

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2021/KDTM-ST

Ngày: 02/6/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê;
2. Bà Cao Kim Triều.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Trà, là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 95/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1615/2021/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2458/2021/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Fortuna (tên cũ là Công ty TNHH SX – XD – TM Thiên Phú)

Địa chỉ: Số 609 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Hải, địa chỉ: Số 20A đường Phú Hòa, Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/02/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Lâm – Luật sư của Văn phòng luật sư Công Anh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn

Địa chỉ: Số 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.



Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Huy Hoàng; địa chỉ: Số 173 đường Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-CT-SEA ngày 20/7/2020).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020, các bản khai, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Hải trình bày:

Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Fortuna (tên cũ là Công ty TNHH SX – XD – TM Thiên Phú) (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH Hoàng Đạo (sau đây gọi là Công ty Hoàng Đạo) có ký Hợp đồng mua bán số 11-05/2011. Hợp đồng có nội dung nguyên đơn mua của Công ty Hoàng Đạo 1.008 tấn cà phê Robusta, loại 2, tiêu chuẩn XK với tổng số tiền là 50.803.200.000 đồng, trong đó tiền hàng là 48.384.000.000 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng 5% với số tiền là 2.419.200.000 đồng.

Ngày 16/6/2011, nguyên đơn và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là bị đơn) có ký Hợp đồng kinh tế số: 02/06/TP – TSSG có nội dung nguyên đơn bán cho bị đơn số lượng 1.008 tấn cà phê Robusta, loại 2, tiêu chuẩn XK (mùa vụ 2010/2011) đã mua của Công ty Hoàng Đạo, thuế giá trị gia tăng 5%, quy cách: Độ ẩm 13% Max; Tạp chất: 1% Max; Đen vỡ: 5% Max; Hạt khác loài (excelsa, arabica, catimor): 1% Max. Trên sàn 13: 90% Min. Không thuốc, không men, đơn giá là 50.000.000 đồng/tấn. Tổng trị giá hợp đồng là 52.920.000.000 đồng, trong đó tiền hàng là 50.400.000.000 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng 5% với số tiền là 2.520.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay khi ký kết hợp đồng, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất 24%/năm, nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Quá thời hạn thanh toán kể trên sẽ bị phạt 0,1%/ngày nhưng không quá 45 ngày thì phải chịu mức lãi suất 0,2%/ngày.

Sau khi ký hợp đồng, bị đơn đề nghị tự kiểm tra chất lượng hàng hóa cà phê nên cùng ngày 16/6/2011 Công ty Hoàng Đạo đã chuyển trực tiếp toàn bộ số lượng cà phê nêu trên đến kho của Bị đơn tại địa chỉ: Lô F5-N5 đường D3 Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Sau khi kiểm tra và nhận hàng xong, bị đơn đã ký xác nhận vào Biên bản giao nhận hàng và Biên bản xác nhận công nợ với số tiền 52.920.000.000 đồng. Nguyên đơn cũng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn.

Nguyên đơn thực hiện đúng các nghĩa vụ như giao kết tại hợp đồng, căn cứ Biên bản xác nhận công nợ ngày 16/6/2011, Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn số tiền 52.920.000.000 đồng.

Kể từ ngày ký Biên bản xác nhận công nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ với bị đơn để tìm phương án giải quyết số công nợ nói trên, tuy nhiên bị đơn

cố tình né tránh không giải quyết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 52.920.000.000 đồng.

Về tiền lãi, quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải trả tiền tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố 9%/ năm tính từ ngày 17/6/2011 đến 02/6/2021 (119 tháng 15 ngày) là 47.442.780.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán là 100.362.780.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng căn cứ Hợp đồng kinh tế đã giao kết, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ giao hàng đúng chất lượng theo hợp đồng. Căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/6/2011 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 52.920.000.000 đồng. Bị đơn đã cử người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng và đã làm việc tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử nhưng không đưa ra được chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Đối với tiền lãi, nguyên đơn căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN quy định về thời gian tính lãi chậm trả từ 17/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/6/2021 theo mức lãi suất cơ bản 9%/ năm là có lợi cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 118, 119, 398, 401, 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

* Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn có đại diện theo ủy quyền, trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04 tháng 12 năm 2020 trình bày: Đề nghị Tòa án cho thời gian 07 ngày là việc để bị đơn kiểm tra lại toàn bộ tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sau đó sẽ có ý kiến bằng văn bản nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không tiếp tục tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập họp lệ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 02/06/TP-TSSG ngày 16/6/2011 hai bên đã giao kết, biên bản xác nhận công nợ ngày 16/6/2011, hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn và cung cấp cho Tòa án có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử cho đến phiên tòa sơ thẩm, bị đơn không cung cấp được chứng cứ đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đã mua hàng 52.920.000.000 đồng. Do vậy, căn cứ biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/6/2011 giữa hai bên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán: Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm tính từ ngày 17/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/6/2021 (119 tháng 15 ngày) là 47.429.550.000 đồng thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng kinh tế số 02/06/TP – TSSG ngày 16/6/2011. Xét đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn có địa chỉ trụ sở tại 87 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn chưa đăng ký giải thể nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về tư cách các đương sự tham gia tố tụng và việc vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Quốc Hải. Bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Huy Hoàng. Xét việc ủy quyền của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận tư cách các đương sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù bị đơn có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nhiều lần không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về đòi Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 02/06/TP – TSSG ngày 16/6/2011 giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung chính nguyên đơn bán cho bị đơn số lượng 1.008 tấn cà phê Robusta, loại 2, tiêu chuẩn XK (mùa vụ 2010/2011), thuế giá trị gia tăng 5%, quy cách: Độ ẩm 13% Max; Tạp chất: 1% Max; Đen vờ: 5% Max; Hạt khác loài (excelsa, arabica, catimor): 1% Max. Trên sàn 13: 90% Min. Không thuốc, không men, đơn giá là 50.000.000 đồng/tấn. Tổng trị giá hợp đồng là 52.920.000.000 đồng, trong đó tiền hàng là 50.400.000.000 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng 5% với số tiền là 2.520.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: Thanh toán ngay khi ký kết hợp đồng, nếu chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất 24%/năm, nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Quá thời hạn trên sẽ bị phạt 0,1%/ngày nhưng không quá 45 ngày thì phải chịu mức lãi suất 0,2%/ngày.

Xét hình thức, nội dung các điều khoản cơ bản của hợp đồng nêu trên phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý, ràng buộc quyền, nghĩa vụ các bên tham gia.

Căn cứ vào Hợp đồng đã giao kết, Biên bản xác nhận công nợ ngày 16/6/2011, hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo đúng quy định trong hợp đồng đã giao kết, bị đơn đã xác nhận việc nhận hàng theo Biên bản giao nhận hàng ngày 16/6/2011 và xác nhận số nợ gốc 52.920.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn chưa thanh toán số tiền mua hàng 52.920.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để giải quyết vụ án, tham gia phiên họp và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn chỉ đến Tòa nộp giấy ủy quyền và tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng

không có yêu cầu và cũng không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc đã thanh toán cho Nguyên đơn khoản tiền nói trên. Ngày 17/5/2021 bị đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xác minh, triệu tập người làm chứng để làm rõ một số nội dung liên quan đến hợp đồng và cho rằng có các tài liệu, chứng cứ xác định hợp đồng và các chứng từ, tài liệu liên quan đến hợp đồng giữa hai bên là không có thật. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét việc đề nghị tạm dừng phiên tòa. Ngoài ra, bị đơn không có chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền gốc còn nợ là 52.920.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi Bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán đối với số tiền 52.920.000.000 đồng từ ngày 17/6/2011 tạm tính đến ngày Tòa án xét xử ngày 02/6/2021 theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố 9%/ năm nhận thấy:

Căn cứ các hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện Nguyên đơn đã bán hàng cho Bị đơn vào ngày 16/6/2011. Quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm trả từ ngày 17/6/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/6/2021 theo mức lãi suất 9%/năm trên tổng số tiền nợ gốc thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử mà Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 có lợi cho bị đơn nên chấp nhận (mức lãi suất nợ quá hạn trung bình do Tòa án thu thập được tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 15,65%/năm). Số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán đối với số tiền 52.920.000.000 đồng từ ngày 17/6/2011 tạm tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 02/6/2021 (119 tháng 15 ngày) là: 47.429.550.000 đồng.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 100.349.550.000 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 24; Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và đầu tư Fortuna:

Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Sài Gòn trả ngay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và đầu tư Fortuna tổng số tiền 100.349.550.000 đồng (bao gồm nợ gốc 52.920.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 17/6/2011 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 02/6/2021) (119 tháng 15 ngày) là: 47.429.550.000 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Sài Gòn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Sài Gòn phải chịu án phí là 208.349.550 (Hai trăm lẻ tám triệu, ba trăm bốn chín nghìn, năm trăm năm mươi) đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và đầu tư Fortuna không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và đầu tư Fortuna số tiền tạm ứng án phí đã nộp 88.450.000 đồng (Tám mươi tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0005885 ngày 03/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và đầu tư Fortuna có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Công

tự cô phân xuất nhập khẩu thủy sản Sài Gòn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. / .

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- CC THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà



Nguyễn Thị Thu Hiền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1

SAO Y BẢN CHÍNH
Quận 1, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Số: /TAQ1-SY

TL. CHÁNH ÁN
CHÁNH VĂN PHÒNG *lwl*



Nguyễn Thị Phương

